TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/KDTM-ST
Ngày: 30-7-2024
V/v: "Hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mai Lan

2. Ông Hoàng Bá Bằng

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 134/2023/KTST ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2024/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 247/2024/QĐST-KDTM ngày 10/07/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty X; Địa chỉ: đường T, Phường B, Quận M, TP.HCM.

Đại diện ủy quyền: Ông Ngô Anh T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: đường T, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty H; Địa chỉ: đường Q, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoài K – sinh năm: 1973; Địa chỉ HKTT: đường D, phường Đ, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: đường N, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2023, Công ty X có ông Ngô Anh T đại diện trình bày:

Công ty X (Sau đây gọi tắt là Công ty X) đã ký hợp đồng với Công ty H (Sau đây gọi tắt là Công ty H) theo các hợp đồng mua bán số : 56/HĐMB-KD/1-20M1; số : 97/HĐMB17-KD/1-20M1; số : 13/HĐMB17-KD/1-20M1; số : 22/HĐTBYT và đã xuất các hóa đơn GTGT cho Công ty H theo số lượng hàng hóa đã bán. Công ty H đã nhận được tổng số hàng hóa của Công ty X giao với tổng trị giá là 7.525.919.037 đồng.

Căn cứ các hợp đồng mua bán, Công ty H có trách nhiệm phải thanh toán đủ số tiền mua hàng hóa khi được Công ty X xuất hóa đơn GTGT sau 90 ngày.

Nhưng kể từ ngày nhận được hàng hợp lệ đến nay, Công ty H vẫn chưa thanh toán số tiền mua hàng cho Công ty X với tổng trị giá công nợ là 4.086.949.776 đồng.

Công ty X đã nhiều lần nhắc nợ, đòi nợ qua điện thoại; nhắc nợ bằng công văn thông báo, trực tiếp đến văn phòng; gửi thư mời Giám đốc Công ty H làm việc nhiều lần nhưng phía Công ty H vẫn không thực hiện thanh toán công nợ cho Công ty X.

Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ của Bên mua hàng theo thỏa thuận tại các hợp đồng và gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X. Công ty X yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty X số tiền mua hàng còn nợ là 4.086.949.776 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực.

Ngoài ra, Công ty X đang cầm cố tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 04713/QSDĐ/H-UBND cấp cho Lê Hoài K ngày 18/02/2003 (đất trồng lúa hiện nay đã hết thời hạn sử dụng). Công ty X xác định giá trị lô đất là 2.000.000.000 đồng. Công ty X đề nghị Tòa án xem xét cấn trừ quyền sử dụng đất trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04713/QSDĐ/H-UBND do UBND huyện N cấp cho Lê Hoài K ngày 18/02/2003 vào khoản nợ mà Công ty H nợ tiền mua hàng của Công ty X; sau khi cần trừ nợ, số tiền còn lại là 2.086.949.776 đồng, yêu cầu Công ty H thanh toán cho Công ty X ngay một lần.

Ngày 20/6/2024, Công ty X xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty X số tiền mua hàng còn nợ là 4.086.949.776 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Xin rút yêu cầu cấn trừ vào tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04713/QSDĐ/H-UBND; tại xã P, huyện N, TP.HCM; diện tích đất 3.938 m^2; số thửa 205, tờ bản đồ số: 26 ; do UBND huyện N cấp cho Lê Hoài K ngày 18/02/2003, tương ứng với số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngày 10/7/2024, Công ty X xác định lại yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào Thư xác nhận cộng nợ giữa công ty X và công ty H ký ngày 22/02/2022.

Buộc Công ty H phải thanh toán số tiền mua hàng hóa chưa thanh toán là 4.023.549.009 đồng.

Bị đơn Công ty H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Qua việc kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS 2015.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty H phải thanh toán cho Công ty X số tiền mua hàng còn thiếu là 4.023.549.009 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu nguyên đơn đã rút;

3. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1.] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Xét đơn khởi kiện của Công ty X, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do Công ty H có trụ sở tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thủ tục tố tụng

1.2.1. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa

Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tại Công an Phường N, quận G; Công an phường Đ, Quận P; Công an Phường L, quận B:

Tại trụ sở Công ty H địa chỉ: đường Q, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không có treo biển hiệu, công ty không còn hoạt động; Ông Lê Hoài K không thực tế cư trú tại địa chỉ đường D, phường Đ, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và tại địa chỉ đường N, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay không rõ ông Lê Hoài K ở đâu.

Tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Công ty H vẫn đang hoạt động tại địa chỉ số: đường A, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, Tóa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiên thông tin đại chúng các văn bản tố tụng đối với: Công ty H; Địa chỉ: đường Q, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật của công ty H là ông Lê Hoài K – sinh năm: 1973; Địa chỉ HKTT: đường D, phường Đ, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: đường N, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Công ty H và ông Lê Hoài K đã được Tòa án thông báo thời gian, địa điểm tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty H do ông Lê Hoài K làm đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2.2. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, do bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đến Tòa; Tòa án phải tiến hành các thủ tục thông báo cho bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn trên các phương tiện thông tin đại chúng.

[2] Về nội dung

2.1 Xét việc Công ty X rút một phần yêu cầu khởi kiện Công ty H

Công ty X rút yêu cầu cấn trừ số tiền nợ của công ty H vào tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04713/QSDĐ/H-UBND; tại xã H, huyện N, TP.HCM; diện tích đất 3.938m2; số thửa 205, tờ bản đồ số: 26 ; do UBND huyện N cấp cho Lê Hoài K ngày 18/02/2003, tương ứng với giá trị 2.000.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật.

Căn cứ theo quy định tại Điều 217 và Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của Công ty X.

2.2 Xét yêu cầu của Công ty X yêu cầu Công ty H phải trả số tiền mua hàng còn nợ 4.023.549.009 đồng

Căn cứ vào 04 Hợp đồng nhập khẩu trọn lô số: 56/HDDMB17-KD/1-20M1 ngày 27/02/2017; số: 97/HĐMB17-KD/1-20M1 ngày 12/4/2017; số: 13/HDDMB17-KD/1-20M1 ngày 13/01/2017; số: 22/HĐTBYT2017 ngày 24/5/2017 giữa Công ty X và Công ty H được xác lập bằng văn bản là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại 2005.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thương mại 2005 quy định: Bên bán phải giao hàng vào đúng thời điểm giao hàng đã thoả thuận trong hợp đồng. Và khoản 1 Điều 50 Luật thương mại 2005 quy định: Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

Cụ thể tại Điều 4 của các Hợp đồng đã giao kết nêu trên, hai bên đã thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán.

Căn cứ Thư xác nhận công nợ ngày 22/02/2022 giữa Công ty Codupha và Công ty H, xác nhận còn nợ Công ty X số tiền 4.023.549.009 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ các căn cứ trên, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, Công ty X yêu cầu Công ty H phải trả số tiền 4.023.549.009 đồng mua hàng chưa thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng; nhiều lần ký cam kết trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho Công ty X, Công ty H thanh toán ngay một lần hết số nợ trên khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại đối với số tiền mua hàng còn nợ Công ty X là 4.023.549.009 đồng.

Hoàn lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 56.043.475 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0012758 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 85, 92, 217, 218, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, 37, 50, 55 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty X được cấn trừ số tiền nợ của công ty H vào tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04713/QSDĐ/H-UBND; tại xã H, huyện N, TP.HCM; diện tích đất 3.938m2; số thửa 205, tờ bản đồ số: 26 ; do UBND huyện N cấp cho Lê Hoài K ngày 18/02/2003, tương ứng với giá trị 2.000.000.000 đồng.

2. Buộc Công ty H phải trả cho Công ty X số tiền là 4.023.549.009 đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn không trăm linh chín đồng).*

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, án nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 112.023.549 đồng.

Hoàn lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 56.043.475 đồng; theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0012758 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKS quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Hoàng